

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện ,
Thành phố H.

Bà Phạm Thị G, sinh năm 1981; Địa chỉ: 152/44 đường L, phường H,
quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà G tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2003 ngày 28/3/2003.

Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống. Hai bên đã ly thân hơn 10 năm, giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 14/9/2000 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/9/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Hai bên không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành S và bà Phạm Thị G thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Thành S và bà Phạm Thị G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2003 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H cấp ngày 28/3/2003 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Do hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 14/9/2000 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/9/2002 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Hai bên xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông S và bà G chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông S và bà G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013793 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên